

Bản án số: 23/2021/HSST

Ngày: 01/3/2021

NHÂN DANH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Vỹ

2. Bà Phan Thị Phương

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2021/HSST ngày 04 tháng 2 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị D**, sinh năm 1998, tại Bắc Giang; Giới tính nữ; ĐKNKTT: thôn T, xã Y, huyện S, Bắc Giang; Chỗ ở: số 16/127 H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: không; Văn hóa; 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: không; Con ông Phạm Văn T (SN 1975) và bà Đàm Thị T (1975).

Tiền án tiền sự: Theo danh chỉ bản số 382 ngày 01/10/2020 lập tại Công an quận T thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Tạm giữ từ ngày 23/9/2020, tạm giam từ 02/10/2020 tại Nhà tạm giữ Công an quận T.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị N – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Hà Nội – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng 11h30 ngày 23/09/2020, Phạm Thị D đang ở phòng trọ tầng 3 nhà số 16 ngõ 127 H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội thì nhận được điện thoại từ số 0984460651 của một nam thanh niên gọi vào số điện thoại 0904921998 của D hỏi mua 10 viên “keo” và 01 chỉ “ke”, D đồng ý và gọi cho số điện thoại 0975412882 của nam thanh niên tên “T” (là bạn xã hội của D) hỏi mua 10 viên “keo” và 01 chỉ “ke” thì được T báo giá là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Sau đó, D gọi điện thoại lại cho nam thanh niên hỏi mua ma túy và báo giá 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), người mua đồng ý và hẹn gặp D tại 696 L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. D gọi bảo T mang ma túy đến nhà của D, khoảng 30 phút sau thì T đi taxi đến đầu ngõ 127 H gặp D, D hẹn khi nào khách trả tiền ma túy thì D sẽ đưa cho T, T đồng ý và đưa cho D 01 túi nilon chứa 10 viên nén màu xanh và 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng đều là ma túy. D cất số ma túy vừa mua được vào trong áo lót ngực bên trái phía trước đang mặc và đi taxi đến 696 L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội thì xuống xe đi bộ và bị Công an quận T phối hợp với Công an phường N kiểm tra hành chính, biết không thể chối tội nên D dùng tay phải lấy trong túi áo lót ngực bên trái gói ma túy ra giao nộp cho Công an, D tự khai là ma túy mang đi để bán.

Thu giữ của Phạm Thị D: 01 túi nilon chứa 10 viên nén màu xanh; 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, lưng điện thoại có hình ảnh quả táo, không kiểm tra Imei, ốp lưng bằng nhựa trong; 01 túi cầm tay kích thước khoảng 22x15cm; 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); 01 mảnh giấy kích thước 18x17mm, màu trắng loại giấy ăn.

Tại bản kết luận giám định số 8474 ngày 29/09/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội xác định: 10 (mười) viên nén màu xanh bên trong 1 túi nilon có tổng khối lượng 5,049 gam đều là ma túy MDMA; Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon có khối lượng 1,375 gam là ma túy loại Ketamine.

Ngày 23/09/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận T tiến hành kiểm tra hành chính tại phòng 301 khách sạn WestLake (địa chỉ 696 L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội), xác định khoảng 18h00 ngày 22/09/2020, có một khách nam giới đến khách sạn đăng ký thuê phòng 301, khi thuê phòng thì người này có xuất trình 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Chèn Văn Đ, sinh năm 1990, quê ở Lào Cai.

Đến khoảng 13h45' cùng ngày 23/09/2020, khách thuê phòng rời khỏi khách sạn và làm thủ tục trả phòng. Do không đầy đủ thông tin và địa chỉ của người thuê phòng nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận T không có căn cứ để tiếp tục làm rõ.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận T đã xác định số điện thoại 0904921998 và 0352631948 là của Phạm Thị D sử dụng; Đối với số thuê bao 0352631948 không phát sinh cuộc gọi đi, gọi đến trong khoảng thời gian từ ngày 14/09/2020 đến ngày 24/09/2020; Đối với số thuê bao 0904921998, xác định chủ thuê bao là Phạm Thị D, trong khoảng thời gian từ 14/09/2020 đến ngày 24/09/2020, D đã nhiều lần liên lạc với số điện thoại 0975412882 của đối tượng T là người bán ma túy và số điện thoại 0984460651 của người mua ma túy.

Đối với số thuê bao 0975412882, xác định chủ thuê bao là Đỗ Minh T (Sinh năm 1982 - Trú tại Tổ 4, xóm B, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội). Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận T đã tiến hành thu thập lý lịch cá nhân, ảnh và tổ chức cho bị can Phạm Thị D nhận dạng đối tượng nhưng bị can D không nhận dạng được đối tượng T bán ma túy cho D. Cơ quan cảnh sát điều tra đã làm việc với Đỗ Minh T, T khai đăng ký thuê báo chính chủ cuối năm 2018 và sử dụng đến khoảng tháng 08/2020 thì bị làm mất điện thoại và sim. Đến khoảng tháng 11/2020 thì T đi đăng ký làm lại sim và khẳng định không có quan hệ với bị can D, T không bán ma túy cho D, tiến hành cho T nhận dạng bị can D qua ảnh nhưng T không nhận ra D. Do không có tài liệu, căn cứ xác định Đỗ Minh T là đối tượng T bán ma túy cho D nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận T không có căn cứ để xử lý.

Đối với số thuê bao 0984460651, xác định chủ thuê bao là Tạ Văn T (Sinh năm 1996 - Trú tại G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc). Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận T đã tiến hành làm việc với T, T không thừa nhận việc đăng ký chính chủ số điện thoại 0984460651 và khai không quen biết với bị can D. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành cho bị can D nhận dạng Tạ Văn T nhưng D không nhận được. Do không có căn cứ xác định T là đối tượng gọi điện hỏi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận T không có căn cứ để xử lý.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận T, Phạm Thị D khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của D phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 31/CT-VKSTH ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố Phạm Thị D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị D khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và xin được xem xét giảm nhẹ mức án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng điểm p khoản 2 và khoản 5 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự - xử lý bị cáo Phạm Thị D mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, không phạt tiền bị cáo. Tịch thu tiêu hủy số ma túy, 01 túi xách và 01 mảnh giấy đã thu giữ của bị cáo; Tịch thu sung công 01 điện thoại di động và 300.000đ đã thu giữ của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, đề nghị xem xét hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây hậu quả, bị cáo chưa được hưởng lợi, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo và có công với cách mạng để cho bị cáo mức án nhẹ nhất của khung hình phạt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận T, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh: Bị cáo khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có liên quan, vật chứng thu giữ và kết luận giám định, đủ cơ sở kết luận: Phạm Thị D có hành vi mua trái phép 5,049 gam ma túy loại

MDMA và 1,375 gam ma túy loại Ketamine, đến khoảng 12h30' ngày 23/9/2020 khi D đang mang số ma túy trên đi bán thì bị kiểm tra bắt giữ cùng tang vật tại 696 L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Hành vi của bị cáo phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[3]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có công với cách mạng. Do đó, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4]. Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước và gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên cần xử phạt tù giam nghiêm khắc để đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5]. Xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:

- Số ma túy thu giữ của bị cáo là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy;
- 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu và số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) là tài sản của bị cáo có liên quan đến tội phạm nên áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước;
- 01 túi cầm tay màu nâu và 01 mảnh giấy kích thước 18x17cm, màu trắng loại giấy ăn không có giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.
- Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được kháng cáo bản án theo luật định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Áp dụng điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố

tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Phạm Thị D 07 (bảy) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2020.

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao niêm phong, tại các mép dán niêm phong có chữ ký của Phạm Thị D, giám định viên Nguyễn Thị T, cán bộ điều tra Vũ Minh P - bên trong có chứa 01 túi nilon màu trắng đựng 10 viên nén màu xanh là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng 5,049 gam và 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, khối lượng 1,375 gam.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, màu đen đã qua sử dụng và số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi cầm tay màu nâu, trên thân có chữ LV và 01 mảnh giấy màu trắng kích thước khoảng 17x18cm.

Các tang vật hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/02/2021; Số tiền 300.000đ hiện lưu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự quận T gửi tại Kho bạc nhà nước quận T theo Lệnh thanh toán ngày 03/02/2021.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND Q.T
- Bị cáo
- L- u hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huyền